

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07/9/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1970; ĐKKHKT và trú tại: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1982; ĐKKHKT và trú tại: xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị C trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: chị và anh Nguyễn Văn C1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 2, xã T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn

Theo chị C, nguyên nhân giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh C1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh C1 không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề nên chị và anh C1 đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay, không ai quan tâm đến ai

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn C1 có 2 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Mạnh P, sinh năm 1995 đều đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: chị và anh Nguyễn Văn C1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc, không tham gia được phiên xét xử, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Nguyễn Văn C1 trong các biên bản sự việc ngày 04/7/2022 và 25/7/2022 thể hiện:

Anh xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh C1 tại xóm 2, xã T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị C tự ý bỏ nhà đi từ lâu, không có trao đổi, hòa giải gì với anh. Trước đây anh đã từng làm thủ tục ly hôn với chị C nhưng chưa giải quyết. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí vì vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Anh không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung như chị C đã nêu, các con chung đều đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C1; chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn C1, cư trú tại xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã T, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị C, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Về phía anh C1, anh không nêu rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là gì, cũng không bác bỏ ý kiến của chị C, anh chỉ xác định chị C tự ý bỏ nhà đi, không

có trao đổi, hòa giải với anh, vợ chồng cũng đã có một thời gian dài sống ly thân. Cả chị C và anh C1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể quay về chung sống với nhau được nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh C1 và chị C tại UBND xã T là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận anh C1 và chị C có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân là gì, chỉ biết hiện anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

Như vậy có đủ căn cứ xác định giữa chị C và anh C1 trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, dẫn đến vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa; cả chị C và anh C1 khẳng định không thể quay về chung sống với nhau được nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh C1, chị C hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh C1 giải quyết ly hôn chị C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C1 đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Mạnh P, sinh năm 1995 đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[4] Về tài sản chung Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C1 đều xác định không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C1.

2/ Về án phí: chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4873 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh